

Số: 1150/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 5 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Nội vụ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 515/TTr-SNV ngày 04 tháng 5 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 89 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Nội vụ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Sở Nội vụ có trách nhiệm:

1. Cập nhật thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định;

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính và hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính này trên phần mềm Dịch vụ công.

3. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc

thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC NỘI VỤ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số:1150 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NỘI VỤ (08 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã THC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục Thi tuyển công chức (1.005384)	<p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.</p> <p>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc</p>	<p>- Dưới 100 thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 500 thí sinh trở lên: 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.</p> <p>- Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi</p>	<p>1. Người dự thi nộp trực tiếp tại đơn vị có nhu cầu tuyển dụng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>2. Trung tâm Hành chính công cấp huyện.</p>	<p>- Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức;</p> <p>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND cấp huyện.</p>

	<p>thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.</p> <p>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên giấy thi việc chấm thi thực hiện như sau:</p> <p>Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;</p> <p>Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;</p> <p>Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.</p> <p>Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải</p>			<p>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	
--	--	--	--	---	--

	<p>tiến hành tổ chức thi vòng 2.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.</li><li>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</li><li>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</li><li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.</li><li>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn.</li></ul>				
--	---	--	--	--	--

2	Thủ tục Xét tuyển công chức (2.002156)	<p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2.</p> <p>- Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.</p>				<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND cấp huyện.</p>
---	--	---	--	--	--	--

		<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</p> <p>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn.</p>				
3	<p>Thủ tục Tiếp nhận vào công chức (1.005385)</p>	Không quy định	Không	<p>Nộp trực tiếp tại đơn vị có nhu cầu tiếp nhận công chức hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm</p>	<p>- Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực</p>

				<p>Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện.</p>	<p>điều của Luật cán bộ, công chức; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p>	<p>tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND cấp huyện.</p>
4	<p>Thủ tục Thi nâng ngạch công chức (2.002157)</p>	<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi, Hội đồng thi nâng ngạch công chức phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức về kết quả chấm thi; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc</p>	<p>- Nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Dưới 50 thí</p>	<p>Nộp trực tiếp tại đơn vị có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch hoặc</p>	<p>- Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân</p>



		<p>công thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức về điểm thi của công chức dự thi nâng ngạch để thông báo cho công chức dự thi được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi, công chức dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm bài thi môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học (trong trường hợp thi trắc nghiệm trên giấy) và bài thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ. Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thành lập Ban chấm phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo, công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả chấm phúc khảo, Hội đồng thi nâng ngạch báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và danh sách công chức trúng tuyển.</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch, Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thông báo kết quả thi và danh sách công chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức có công chức tham dự kỳ thi.</p>	<p>sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương: Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 500 trở lên: 500.000</p>	<p>nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện.</p>	<p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức; - Nghị định số 138/2020/NĐ- CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2020/TT- BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 11/2014/TT- BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT- BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 228/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của</p>	<p>tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND cấp huyện.</p>
--	--	--	---	---	---	--

			đồng/thí sinh/lần dự thi. - Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.		Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
5	Thủ tục Thi tuyển viên chức (1.005388)	<p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.</p> <p>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng;</p> <p>- Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15</p>	Dưới 100 thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.	- Người dự thi nộp trực tiếp tại cơ quan đơn vị có nhu cầu tuyển dụng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Hành chính công huyện.	<p>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức;</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện hoặc phân cấp tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ngành; UBND cấp huyện.</p>

		<p>ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</li> <li>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</li> <li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</li> </ul>				
6	Thủ tục Xét tuyển viên chức (1.005392)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</li> <li>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Người đứng đầu đơn vị sự</li> </ul>

		<p>Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</li> <li>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</li> <li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</li> </ul>				<p>nghiệp công lập tổ chức thực hiện hoặc phân cấp tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ngành; UBND cấp huyện.</li> </ul>
7	<p>Thủ tục Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (1.005394)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước ngày thi hoặc xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi hoặc xét, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có) và địa điểm tổ chức thi hoặc xét cho các thí sinh có đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng.</li> <li>- Trước ngày thi 01 ngày, Hội đồng thi niêm yết danh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I: Dưới 50 thí sinh:</li> </ul>	<p>Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có nhu cầu đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội;</li> <li>- Luật sửa đổi,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền.</li> </ul>

		<p>sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi hoặc xét, sơ đồ vị trí các phòng thi hoặc xét, nội quy, hình thức, thời gian thi hoặc xét thăng hạng.</p>	<p>1.400.000 đồng/thí sinh/lần; Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần; Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần          - Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III: Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần; Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần</p>	<p>nghiệp viên chức.</p>	<p>bổ sung một số điều của Luật Viên chức;          - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;          - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;          - Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12/ năm 2012 của Bộ Nội vụ;          - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ngành; UBND cấp huyện.          - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan.</p>
--	--	---	--	--------------------------	---	---

			- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi			
8	Thủ tục Tiếp nhận vào làm viên chức (1.005393)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</li> <li>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</li> <li>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</li> <li>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</li> <li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự sát hạch, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức sát hạch.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc</li> </ul>	Không	Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan tuyển dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức;</li> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nội vụ.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ngành; UBND cấp huyện.</li> <li>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ngành, đơn vị liên quan.</li> </ul>

	<p>khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</p> <p>- Người đứng đầu, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có văn bản đề nghị người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức công nhận kết quả tiếp nhận vào viên chức. Văn bản đề nghị do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ký, trong đó nêu rõ vị trí việc làm cần tuyển dụng và kèm theo biên bản họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch và hồ sơ của từng trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách.</p>				
--	--	--	--	--	--

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- Các TTHC 1, 2, 3, 4 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

- Các TTHC 5, 6, 7, 8 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

**II. LĨNH VỰC TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (12 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009331)	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 03 ngày tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
2	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009332)		Không			
3	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền		Không			

	quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009333)					
4	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009319)	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 03 ngày tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
5	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009320)		Không			
6	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009321)		Không			
7	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009339)	Trong 40 (bốn mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 33 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 07 ngày tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 1/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
8	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009340)	Trong 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 18 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 07 ngày tại UBND tỉnh.	Không			
9	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc chính	Trong 40 (bốn mươi) ngày làm việc, kể từ ngày	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua	Nghị định số 106/2020/NĐ-	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.



	trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009352)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 33 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 07 ngày tại UBND tỉnh.		Công dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.	CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
10	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh đề án vị trí việc chính trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009353)	Trong 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 18 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 07 ngày tại UBND tỉnh.	Không			- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
11	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc, thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009354)	Không quy định	Không	Nộp trực tiếp hoặc Công dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.		- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
12	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009355)	Không quy định	Không			- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- Các TTHC 1, 2, 3, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1068/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ;
- Các TTHC 4, 5, 6 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1067/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ;
- Các TTHC số 7, 8 được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1121/QĐ-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ;
- Các TTHC số 9, 10, 11, 12 mới ban hành theo Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 06 tháng 01 năm 2021.

**III. LĨNH VỰC HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (17 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
----	----------------------------------	-----------------------------	-------------	----------------------------	----------------	-------------------

				<b>hiện</b>		
1	Thủ tục Công nhận ban vận động thành lập hội (1.003503)	10 ngày làm việc	Không	<p>Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	Sở Nội vụ	
2	Thủ tục Thành lập hội (2.001481)	20 ngày làm việc. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh	Không		<p>- Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh.
3	Thủ tục Phê duyệt điều lệ hội (1.003960)		Không			- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
4	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (2.001688)	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh	Không			- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh.
5	Thủ tục Đổi tên hội (2.001678)	20 ngày làm việc. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh	Không			- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
6	Thủ tục Hội tự giải thể (1.003918)	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh	Không			- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh.
7	Thủ tục Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (1.003900)	14 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 04 ngày làm việc tại UBND tỉnh. Trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động thì	Không			- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.

		chậm nhất không quá 25 ngày phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.		tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		vụ.
8	Thủ tục Cho phép hội đặt văn phòng đại diện (1.003866)	14 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 04 ngày làm việc tại UBND tỉnh	Không			
9	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.003822)	20 ngày làm việc. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
10	Thủ tục Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (2.001590)		Không			
11	Thủ tục Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (2.001567)	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
12	Thủ tục Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (1.003621)	20 ngày làm việc. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không			
13	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.003916)	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không			
14	Thủ tục Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không			

	(cấp tỉnh) (1.003950)				
15	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (1.003920)	20 ngày làm việc. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		
16	Thủ tục Đổi tên quỹ (1.003879)	15 ngày làm việc. Trong đó, 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		
17	Thủ tục Quỹ tự giải thể (1.003866)		Không		

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- Các TTHC 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Bộ Nội vụ; Các TTHC 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

- Các TTHC đơn giản hóa cắt giảm về thời gian thực hiện như sau: TTHC số 1 giảm từ 30 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc; Các TTHC số 2, 3, 5, 12, 15 giảm từ 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc; Các TTHC số 4, 6 giảm từ 30 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc; Các TTHC số 7, 8 giảm từ 15 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc; Các TTHC số 9, 10 giảm từ 40 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

**IV. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (03 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh (2.001683)	32 ngày làm việc. Trong đó: 25 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh	- Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với TNXP; - Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 18/2014/TT-	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
2	Thủ tục Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh (1.003999)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ, 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm		- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.

3	Thủ tục Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh (2.001717)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ, 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Phục vụ hành chính công tình	BNV quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
---	---	--	-------	------------------------------	---	--

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- Các TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 631/QĐ-BNV ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ Nội vụ.
- TTHC số 1 đơn giản hóa cắt giảm về thời gian thực hiện giảm từ 40 ngày làm việc thành 32 ngày làm việc.

**V. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TỪ UBND CẤP XÃ ĐẾN UBND CẤP HUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH (02 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (2.000465)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại UBND cấp xã: 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã;</li> <li>- Tại UBND cấp huyện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Tại Sở Nội vụ: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp;</li> <li>- Không quy định thời gian thực hiện tại UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp xã: tiếp nhận trực tiếp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã (từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã).</li> <li>- Cấp huyện: nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện.</li> <li>- Cấp tỉnh: nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 01 Lê Lai, thành phố</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi bổ sung Thông tư số 04/2012 ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nội vụ (thẩm định)</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân tỉnh.</li> </ul>

2	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (1.000989)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quy định thời gian thực hiện tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện.</li> <li>- Sở Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã;</li> <li>- Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.</li> <li>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.</li> </ul>	Không	Huê).	Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nội vụ (thẩm định)</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul>
---	---	---	-------	-------	--	--

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 53/QĐ-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

- TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2191/QĐ-BNV ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Nội vụ.

**VI. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (09 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.000449)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua	- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân

2	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.000934)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 20 ngày làm việc tại Sở Nội vụ, 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;	tỉnh
3	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.000924)		Không		- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
4	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc (2.000287)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ Nội vụ;	
5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề (2.000437)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		- Quyết định 63/2019/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế.	
6	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề (1.000898)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 15 ngày làm việc tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		- Quyết định 52/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND.	
7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất (2.000422)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 07 ngày làm việc tại Ban Thi	Không			

8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình (2.000418)	đưa - Khen thưởng, Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không			
9	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại (1.000681)		Không			

**\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa:**

- Các TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nội vụ.

- Các TTHC đơn giản hóa cắt giảm về thời gian thực hiện: Các TTHC số 1, 4, 5, 7, 8 giảm từ 25 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc; TTHC số 6 giảm từ 25 ngày làm việc còn 20 ngày làm việc.

**VII. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (35 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001894)	60 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 53 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 07 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001886)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản đăng ký hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ		



		quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).		công tình hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001875)	60 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 53 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 07 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	
4	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích (1.001854)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản đăng ký hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện	

5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (1.001843)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		TTHC: Sở Nội vụ.
6	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (1.001832)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không			
7	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (1.001818)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001807)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
9	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (1.001797)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 25 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	

10	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (2.002167)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
11	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001775)	60 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 53 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 07 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ		- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
12	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (2.000713)	45 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 40 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
13	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (1.001550)	45 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ giải quyết trong 40 ngày, UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày).	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ.
14	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo -	Không			

	thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (1.000788)	Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.				
15	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP (1.000780)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng	
16	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.000766)	60 ngày	Không			Sở Nội vụ
17	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000654)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ	Không			
18	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000638)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành	Sở Nội vụ	

				chính công tỉnh		
19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (2.000269)	20 ngày	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ		Sở Nội vụ
20	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (2.000264)	20 ngày	Không			Sở Nội vụ
21	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000604)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		Sở Nội vụ
22	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.000587)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không			Sở Nội vụ
23	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tôn giáo được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không		- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số	Sở Nội vụ

	địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000535)				162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	
24	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000415)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	Sở Nội vụ
25	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.000517)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính,	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	Sở Nội vụ
26	Thủ tục thông báo tuyên chuyên chức sắc, chức việc, nhà tu hành (1.001642)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính,	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	Sở Nội vụ

				công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	
27	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (1.001640)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Sở Nội vụ
28	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001637)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại	Sở Nội vụ
29	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (2.000456)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản đăng ký hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại	Sở Nội vụ
30	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (1.001628)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại	Sở Nội vụ

31	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (1.001626)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.	Sở Nội vụ
32	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (1.001624)	Trong ngày làm việc. Ngay sau khi Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Không			Sở Nội vụ
33	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (1.001610)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ		Sở Nội vụ
34	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (1.001604)	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Không			Sở Nội vụ
35	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở	30 ngày kể từ ngày Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Không	Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ		Sở Nội vụ



	nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (1.001589)			công tình hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
--	---	--	--	---	--	--

\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa: Các TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31 tháng 1 năm 2018 của Bộ Nội vụ.

### VIII. LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (1.003657)	- Đối với tài liệu thuộc diện sử dụng rộng rãi, thời gian giải quyết kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 01 ngày làm việc. - Đối với tài liệu thuộc diện hạn chế sử dụng, thời gian giải quyết kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 04 ngày làm việc.	Thông tư 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Chi cục Văn thư - Lưu trữ. Số 16 Lê Lợi, thành phố Huế	- Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13; - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ;	Sở Nội vụ
2	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (1.003649)	- Đối với tài liệu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ, thời gian trả là không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận Phiếu đăng ký sử dụng tài liệu. - Đối với tài liệu thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng, thời gian không quá 03 ngày làm việc; tùy theo thành phần tài liệu đang bảo quản kể từ ngày tiếp nhận Phiếu đăng ký sử dụng tài liệu.	Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ.		- Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính.	Sở Nội vụ
3	Thủ tục cấp, cấp lại,	14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Không	Nộp trực tiếp hoặc	- Luật Lưu trữ số	Sở Nội vụ

bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ (2.001540)	theo quy định.		trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01/2011/QH13; - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ.	
---	----------------	--	---	---	--

*\* Ghi chú nội dung chuẩn hóa: Các TTHC này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 744/QĐ-BNV ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ.*